|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯  Số:  /KH-ĐHV | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯  *Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo**

**Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025**

¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯

Thực hiện Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030"; Nghị quyết số 03/NQ-ĐU ngày 19/8/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường về tăng cường hiệu quả hoạt động Đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Vinh; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 03/6/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-ĐHV ngày 30/10/2019 về Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2019 - 2025, Trường Đại học Vinh xây dựng Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH**

- Cải tiến và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo, chất lượng tuyển sinh của Nhà trường; Bảo đảm quyền lợi cho người học và các bên liên quan.

- Thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 03/NQ-ĐU ngày 19/8/2017: *Đến năm 2025 Trường Đại học Vinh có 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá*; mục tiêu của Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 03/6/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Vinh lần thứ XXXII: *Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, trường có tối thiểu 18 chương trình đào tạo được kiểm định và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, góp phần nâng cao vị thế của Nhà trường.*

- Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng, đẩy mạnh hoạt động đảm bảo chất lượng trong mọi hoạt động của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu công tác kiểm định chất lượng trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**II. CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ**

- Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA);

- Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Tổ chức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các lĩnh vực Kỹ thuật, Thông tin và Khoa học tự nhiên của Đức (ASIIN).

- Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Tổ chức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các lĩnh vực Pháp luật, Kinh doanh và quản lý, Khoa học xã hội và hành vi của Thụy Sĩ (FIBAA).

- Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Tổ chức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các lĩnh vực Kỹ thuật và công nghệ của Mỹ (ABET).

**III. NỘI DUNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

Nội dung, tiến độ tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo các trình độ được thực hiện theo Phụ lục đính kèm.

**IV. KINH PHÍ**

- Công tác tự đánh giá: Thực hiện theo quy định của Nhà trường.

- Công tác đánh giá ngoài: Thực hiện theo hợp đồng giữa Nhà trường với Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

**V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

***1. Trung tâm Đảm bảo chất lượng***

- Chủ trì lập kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo bậc đại học, đầu mối theo dõi và giám sát việc triển khai các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo bậc đại học;

- Đầu mối thu nhận hồ sơ tự đánh giá và phối hợp với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh tổ chức đọc thẩm định báo cáo tự đánh giá các chương trình đào tạo bậc đại học;

- Đầu mối thu thập và số hóa các minh chứng cấp trường phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo bậc đại học;

- Chủ trì và phối hợp với các trường thuộc, khoa, viện lập kế hoạch đón Đoàn đánh giá ngoài và tổ chức thực hiện các công việc đánh giá ngoài theo yêu cầu của Đoàn đánh giá ngoài các chương trình đào tạo bậc đại học;

- Chủ trì theo dõi và giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng của các chương trình đào tạo bậc đại học theo khuyến nghị của Hội đồng thẩm định chất lượng giáo dục;

- Chủ trì lập dự toán kinh phí và quyết toán kinh phí tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo bậc đại học;

- Định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ cho Ban giám hiệu Nhà trường.

***2. Phòng Đào tạo Sau đại học***

- Chủ trì lập kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo bậc sau đại học, đầu mối theo dõi và giám sát việc triển khai các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo bậc sau đại học;

- Đầu mối thu nhận hồ sơ tự đánh giá và phối hợp với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh tổ chức đọc thẩm định báo cáo tự đánh giá các chương trình đào tạo bậc sau đại học;

- Đầu mối thu thập và số hóa các minh chứng cấp trường phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo bậc sau đại học;

- Chủ trì và phối hợp với các trường thuộc, khoa, viện lập kế hoạch đón Đoàn đánh giá ngoài và tổ chức thực hiện các công việc đánh giá ngoài theo yêu cầu của Đoàn đánh giá ngoài các chương trình đào tạo bậc sau đại học;

- Chủ trì theo dõi và giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng của các chương trình đào tạo bậc sau đại học theo khuyến nghị của Hội đồng thẩm định chất lượng giáo dục;

- Chủ trì lập dự toán kinh phí và quyết toán kinh phí tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo bậc sau đại học;

- Định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ cho Ban Giám hiệu Nhà trường.

***3. Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh***

- Tổ chức tập huấn và tư vấn cho các đơn vị trong quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo; tư vấn chuẩn bị công tác đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Phối hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo Sau đại học đọc thẩm định báo cáo tự đánh giá; lập đoàn đánh giá thử cho các chương trình đào tạo theo kế hoạch.

***4. Các trường, khoa, viện***

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá các chương trình đào tạo trong kế hoạch hàng năm.

- Phổ biến, triển khai kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo tới cán bộ viên chức của đơn vị;

- Chủ động lập kế hoạch và liên hệ mời tư vấn (Trung tâm Kiểm định chất lương giáo dục Trường Đại học Vinh hoặc các chuyên gia khác) về tư vấn/tập huấn công tác tự đánh giá cho đơn vị mình (nếu cần).

- Thu thập minh chứng, triển khai hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo của đơn vị, định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo cho Nhà trường thông qua Trung tâm Đảm bảo chất lượng *(đối với các chương trình đào tạo bậc đại học)* và Phòng Đào tạo Sau đại học *(đối với các chương trình đào tạo bậc sau đại học).*

- Phối hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng *(đối với các chương trình đào tạo bậc đại học)* và Phòng Đào tạo Sau đại học *(đối với các chương trình đào tạo bậc sau đại học)* lập kế hoạch đón đoàn đánh giá ngoài và thực hiện các công việc theo yêu cầu của đoàn đánh giá ngoài.

- Lập kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo theo khuyến nghị của Hội đồng thẩm định chất lượng giáo dục hoặc của tổ chức đánh giá ngoài.

- Thực hiện cải tiến chất lượng theo kế hoạch cải tiến đã lập và định kỳ báo cáo cho nhà trường thông qua Trung tâm Đảm bảo chất lượng *(đối với các chương trình đào tạo bậc đại học)* và Phòng Đào tạo Sau đại học *(đối với các chương trình đào tạo bậc sau đại học).*

***5. Các đơn vị trong toàn trường***

- Scan, lưu trữ các minh chứng theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị; Phối hợp cung cấp minh chứng trong quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo;

- Phối hợp với các trường, khoa, viện trong quá trình chuẩn bị cơ sở vật chất và bổ sung minh chứng khi đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Thực hiện các kế hoạch cải tiến theo khuyến nghị của Hội đồng thẩm định chất lượng giáo dục và định kỳ báo cáo kết quả cải tiến cho Nhà trường thông qua Trung tâm Đảm bảo chất lượng *(đối với các chương trình đào tạo bậc đại học*) và Phòng Đào tạo Sau đại học (*đối với các chương trình đào tạo bậc sau đại học*).

Trên đây là Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025. Nhà trường yêu cầu Trưởng các đơn vị trong toàn trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ GD&ĐT (b/c);  - Đảng ủy, Hội đồng trường (b/c);  - Các đơn vị trong toàn trường (t/h);  - Lưu: HCTH, ĐBCL. | **HIỆU TRƯỞNG**  **GS.TS. Nguyễn Huy Bằng** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ |

**NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

**Tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo**

**Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐHV ngày tháng 4 năm 2022*

*của Trường Đại học Vinh)*

¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯

**1. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1.1. Tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn trong nước**

***1.1.1. Trình độ đại học***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình đào tạo** | **Khung thời gian** | | **Đơn vị thực hiện** |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| **Năm 2022** | | | | |
|  | Luật học | 4/2022 | 10/2022 | Trường KHXH&NV |
|  | Kinh tế xây dựng | 4/2022 | 10/2022 | Khoa Xây dựng |
|  | Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông | 4/2022 | 10/2022 | Khoa Xây dựng |
|  | Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử | 4/2022 | 10/2022 | Viện KT&CN |
|  | Điện tử viễn thông | 4/2022 | 10/2022 | Viện KT&CN |
|  | Nuôi trồng thủy sản | 4/2022 | 10/2022 | Viện NN&TN |
|  | Quản lý giáo dục | 4/2022 | 10/2022 | Trường Sư phạm |
|  | Quản lý Tài nguyên môi trường | 6/2022 | 12/2022 | Viện NN&TN |
|  | Báo chí | 6/2022 | 12/2022 | Trường KHXH&NV |
|  | Công tác xã hội | 6/2022 | 12/2022 | Trường KHXH&NV |
|  | Sư phạm Vật lý | 6/2022 | 12/2022 | Trường Sư phạm |
|  | Giáo dục Quốc phòng - An ninh | 6/2022 | 12/2022 | Trung tâm GDQP&AN |
| **Năm 2023** | | | | |
|  | Chăn nuôi | 1/2023 | 7/2023 | Viện NN&TN |
|  | Công nghệ Sinh học | 1/2023 | 7/2023 | Viện CN HS-MT |
|  | Quản lý Nhà nước | 1/2023 | 7/2023 | Trường KHXH&NV |
|  | Công nghệ Kỹ thuật nhiệt | 1/2023 | 7/2023 | Viện KT&CN |
| **Năm 2024** | | | | |
|  | Điều dưỡng | 1/2024 | 7/2024 | Viện CNHS-MT |
|  | Công nghệ Kỹ thuật ô tô | 1/2024 | 7/2024 | Viện KT&CN |
|  | Du lịch | 1/2024 | 7/2024 | Trường KHXH&NV |
|  | Giáo dục chính trị | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Sư phạm Tin học | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Sư phạm Sinh học | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
| **Năm 2025** | | | | |
|  | Giáo dục mầm non | 9/2025 | 3/2026 | Trường Sư phạm |
|  | Nông học | 9/2025 | 3/2026 | Viện NN&TN |
|  | Quản lý đất đai | 9/2025 | 3/2026 | Viện NN&TN |

***1.1.2. Trình độ thạc sĩ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình đào tạo** | **Khung thời gian** | | **Đơn vị thực hiện** |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| **Năm 2022** | | | | |
|  | Kỹ thuật xây dựng | 7/2022 | 1/2023 | Khoa Xây dựng |
|  | Giáo dục học (Giáo dục mầm non) | 7/2022 | 1/2023 | Trường Sư phạm |
|  | LL và PPDH bộ môn Toán | 7/2022 | 1/2023 | Trường Sư phạm |
|  | LL và PPDH bộ môn Vật lý | 7/2022 | 1/2023 | Trường Sư phạm |
|  | LL và PPDH bộ môn Sinh học | 7/2022 | 1/2023 | Trường Sư phạm |
|  | LL và PPDH bộ môn Ngữ văn | 7/2022 | 1/2023 | Trường Sư phạm |
| **Năm 2023** | | | | |
|  | Hoá phân tích | 1/2023 | 7/2023 | Trường Sư phạm |
|  | Nuôi trồng thuỷ sản | 1/2023 | 7/2023 | Viện NN&TN |
|  | Khoa học cây trồng | 1/2023 | 7/2023 | Viện NN&TN |
| **Năm 2024** | | | | |
|  | Hoá hữu cơ | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Đại số và Lý thuyết số | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Toán giải tích | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Văn học Việt Nam | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Động vật học | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Lịch sử Việt Nam | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Sinh học thực nghiệm | 1/2024 | 7/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Quản trị kinh doanh | 1/2024 | 7/2024 | Trường Kinh tế |
|  | Giáo dục học (Giáo dục thể chất) | 1/2024 | 7/2024 | Khoa GD Thể chất |
| **Năm 2025** | | | | |
|  | Kinh tế chính trị | 1/2025 | 7/2025 | Trường Kinh tế |
|  | Lý luận văn học | 1/2025 | 7/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Lịch sử Thế giới | 1/2025 | 7/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Thực vật học | 1/2025 | 7/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Hoá vô cơ | 1/2025 | 7/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị | 1/2025 | 7/2025 | Trường Sư phạm |

**1.2. Tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn quốc tế trình độ đại học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình đào tạo** | **Khung thời gian** | | **Đơn vị thực hiện** |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| **Năm 2023** | | | | |
|  | Sư phạm Toán CLC *(theo AUN-QA)* | 6/2023 | 5/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Ngôn ngữ Anh *(theo AUN-QA)* | 6/2023 | 5/2024 | Khoa SP Ngoại ngữ |
|  | Quản trị kinh doanh *(theo FIBAA)* | 6/2023 | 5/2024 | Trường Kinh tế |
|  | Kinh tế *(theo FIBAA)* | 6/2023 | 5/2024 | Trường Kinh tế |
|  | Kỹ thuật xây dựng *(theo ASIIN)* | 6/2023 | 5/2024 | Khoa Xây dựng |
| **Năm 2024** | | | | |
|  | Công nghệ thông tin CLC (*theo ABET*) | 6/2024 | 5/2025 | Viện KT&CN |
| **Năm 2025** | | | | |
|  | Luật kinh tế *(theo FIBAA)* | 9/2025 | 8/2026 | Trường KHXH&NV |
|  | Kế toán *(theo FIBAA)* | 9/2025 | 8/2026 | Trường Kinh tế |
|  | Quản trị kinh doanh CLC *(theo FIBAA)* | 9/2025 | 8/2026 | Trường Kinh tế |
|  | Giáo dục tiểu học *(theo AUN-QA)* | 10/2025 | 9/2026 | Trường Sư phạm |
|  | Sư phạm Hoá học *(theo AUN-QA)* | 10/2025 | 9/2026 | Trường Sư phạm |
|  | Sư phạm Toán (*theo AUN-QA*) | 10/2025 | 9/2026 | Trường Sư phạm |
|  | Công nghệ Thông tin (*theo ABET*) | 10/2025 | 9/2026 | Viện KT&CN |

* 1. **Tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn quốc tế trình độ thạc sĩ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình đào tạo** | **Khung thời gian** | | **Đơn vị thực hiện** |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| **Năm 2022** | | | | |
|  | Chính trị học *(theo AUN-QA)* | 7/2022 | 6/2023 | Trường KHXH&NV |
|  | Giáo dục học bậc tiểu học *(theo AUN-QA)* | 7/2022 | 6/2023 | Trường Sư phạm |
|  | Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học *(theo AUN-QA)* | 7/2022 | 6/2023 | Trường Sư phạm |
|  | Lý luận và PPDH bộ môn Tiếng Anh *(theo AUN-QA)* | 7/2022 | 6/2023 | Khoa SP Ngoại ngữ |
|  | Quản lý giáo dục *(theo AUN-QA)* | 7/2022 | 6/2023 | Trường Sư phạm |
|  | Quản lý kinh tế *(theo FIBAA)* | 7/2022 | 6/2023 | Trường Kinh tế |
| **Năm 2023** | | | | |
| 1. | Địa lý học *(theo AUN-QA)* | 6/2023 | 5/2024 | Trường Sư phạm |
| 2. | Ngôn ngữ Việt Nam *(theo AUN-QA)* | 6/2023 | 5/2024 | Trường Sư phạm |
| 3. | Quang học *(theo AUN-QA)* | 6/2023 | 5/2024 | Trường Sư phạm |
| 4. | Lý thuyết xác suất và thống kê toán học *(theo AUN-QA)* | 6/2023 | 5/2024 | Trường Sư phạm |
| **Năm 2025** | | | | |
| 1. | Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật *(theo FIBAA)* | 9/2025 | 8/2026 | Trường KHXH&NV |
| 2. | Công nghệ thông tin (*theo ABET*) | 10/2025 | 9/2026 | Viện KT&CN |

**2. ĐÁNH GIÁ NGOÀI**

**2.1.Đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn trong nước**

***2.1.1******. Trình độ đại học***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình đào tạo** | **Khung thời gian** | | **Đơn vị thực hiện** |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| **Năm 2022** | | | | |
|  | Luật học | 11/2022 | 3/2023 | Trường KHXH&NV |
|  | Kinh tế xây dựng | 11/2022 | 3/2023 | Khoa Xây dựng |
|  | Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông | 11/2022 | 3/2023 | Khoa Xây dựng |
|  | Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử | 11/2022 | 3/2023 | Viện KT&CN |
|  | Điện tử viễn thông | 11/2022 | 3/2023 | Viện KT&CN |
|  | Nuôi trồng thủy sản | 11/2022 | 3/2023 | Viện NN&TN |
|  | Quản lý giáo dục | 11/2022 | 3/2023 | Trường Sư phạm |
| **Năm 2023** | | | | |
| 1. | Sư phạm Vật lý | 8/2023 | 12/2023 | Trường Sư phạm |
| 2. | Quản lý Tài nguyên môi trường | 8/2023 | 12/2023 | Viện NN&TN |
| **Năm 2024** | | | | |
|  | Điều dưỡng | 8/2024 | 12/2024 | Viện CN HS-MT |
|  | Công nghệ Kỹ thuật ô tô | 8/2024 | 12/2024 | Viện KT&CN |
|  | Du lịch | 8/2024 | 12/2024 | Trường KHXH&NV |
|  | Giáo dục chính trị | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Công tác xã hội | 8/2024 | 12/2024 | Trường KHXH&NV |
|  | Sư phạm Tin học | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Sư phạm Sinh học | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |

***2.1.2. Trình độ thạc sĩ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình đào tạo** | **Khung thời gian** | | **Đơn vị thực hiện** |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| **Năm 2023** | | | | |
|  | Kỹ thuật xây dựng | 2/2023 | 6/2023 | Khoa Xây dựng |
|  | Giáo dục học (Giáo dục tầm non) | 2/2023 | 6/2023 | Trường Sư phạm |
|  | LL và PPDH bộ môn Toán | 2/2023 | 6/2023 | Trường Sư phạm |
|  | LL và PPDH bộ môn Vật lý | 2/2023 | 6/2023 | Trường Sư phạm |
|  | LLvà PPDH bộ môn Sinh học | 2/2023 | 6/2023 | Trường Sư phạm |
|  | LLvà PPDH bộ môn Ngữ văn | 2/2023 | 6/2023 | Trường Sư phạm |
|  | Hóa phân tích | 8/2023 | 12/2023 | Trường Sư phạm |
|  | Nuôi trồng thủy sản | 8/2023 | 12/2023 | Viện NN&TN |
|  | Khoa học cây trồng | 8/2023 | 12/2023 | Viện NN&TN |
| **Năm 2024** | | | | |
|  | Hóa Hữu cơ | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Đại số và lý thuyết số | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Toán giải tích | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Văn học Việt Nam | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Động vật học | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Lịch sử Việt Nam | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Sinh học thực nghiệm | 8/2024 | 12/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Quản trị kinh doanh | 8/2024 | 12/2024 | Trường Kinh tế |
|  | Giáo dục học (Giáo dục thể chất) | 8/2024 | 12/2024 | Khoa GD Thể chất |
| **Năm 2025** | | | | |
|  | Kinh tế chính trị | 8/2025 | 12/2025 | Trường Kinh tế |
|  | Lý luận văn học | 8/2025 | 12/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Lịch sử thế giới | 8/2025 | 12/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Thực vật học | 8/2025 | 12/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Hóa vô cơ | 8/2025 | 12/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị | 8/2025 | 12/2025 | Trường Sư phạm |

**2.2. Đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn quốc tế trình độ đại học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình đào tạo** | **Khung thời gian** | | **Đơn vị thực hiện** |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| **Năm 2024** | | | | |
|  | Sư phạm Toán CLC *(theo AUN-QA)* | 6/2024 | 5/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Ngôn ngữ Anh *(theo AUN-QA)* | 6/2024 | 5/2025 | Khoa SP Ngoại ngữ |
|  | Quản trị kinh doanh *(theo FIBAA)* | 6/2024 | 5/2025 | Trường Kinh tế |
|  | Kinh tế *(theo FIBAA)* | 6/2024 | 5/2025 | Trường Kinh tế |
|  | Kỹ thuật Xây dựng (*theo ASIIN*) | 6/2024 | 5/2025 | Khoa Xây dựng |
| **Năm 2025** | | | | |
|  | Công nghệ thông tin CLC (*theo ABET*) | 6/2025 | 5/2026 | Viện KT&CN |

**2.3. Đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn quốc tế trình độ thạc sĩ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình đào tạo** | **Khung thời gian** | | **Đơn vị thực hiện** |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| **Năm 2023** | | | | |
|  | Chính trị học *(theo AUN-QA)* | 7/2023 | 6/2024 | Trường KHXH&NV |
|  | Giáo dục học bậc tiểu học *(theo AUN-QA)* | 7/2023 | 6/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học *(theo AUN-QA)* | 7/2023 | 6/2024 | Trường Sư phạm |
|  | Lý luận và PPDH bộ môn Tiếng Anh *(theo AUN-QA)* | 7/2023 | 6/2024 | Khoa SP Ngoại ngữ |
|  | Quản lý giáo dục *(theo AUN-QA)* | 7/2023 | 6/2024 | Trường Sư phạm |
| **Năm 2024** | | | | |
|  | Địa lý học *(theo AUN-QA)* | 6/2024 | 5/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Ngôn ngữ Việt Nam *(theo AUN-QA)* | 6/2024 | 5/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Quang học *(theo AUN-QA)* | 6/2024 | 5/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Lý thuyết xác suất và thống kê toán học *(theo AUN-QA)* | 6/2024 | 5/2025 | Trường Sư phạm |
|  | Quản lý kinh tế *(theo FIBAA)* | 6/2024 | 5/2025 | Trường Kinh tế |
| **Năm 2025** | | | | |
|  | Công nghệ thông tin (*theo ABET*) | 6/2025 | 5/2026 | Viện KT&CN |

***Lưu ý****: Các chương trình đào tạo không tuyển sinh được trong 3 năm gần nhất sẽ không đưa vào kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài; Thứ tự ưu tiên về tiến độ tự đánh giá và đánh giá ngoài của các chương trình đào tạo căn cứ theo số lượng tuyển sinh hàng năm và ưu tiên các ngành sư phạm.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  **GS.TS. Nguyễn Huy Bằng** |